

Bản án số: 60/2024/HS- ST

Ngày: 23/9/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K TỈNH NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Dự và ông Trần Văn Nghi

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu Hà, thư ký Tòa án nhân dân huyện K , tỉnh Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa:** Ông Trần Quang Toại, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K , tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 57/2024/TLST-HS ngày 30/08/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2024/QĐXXST-HS ngày 09/09/2024 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn T, sinh năm 1988. Tên gọi khác: không. Giới tính: Nam. Nơi sinh: Huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn N, xã X, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Công giáo. Trình độ văn hóa: 09/12. Nghề nghiệp: Lái xe.

Bố đẻ: **Phạm Văn C**, sinh năm: 1952. Mẹ đẻ: **Trần Thị N**, sinh năm 1953. Bố, mẹ hiện già yếu và trú tại thôn N, xã X, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Gia đình có 07 anh, chị em. Bị cáo là con nhỏ nhất.

Vợ: **Trần Thị Phương Q**, sinh năm 1995. Hiện lao động tự do và trú tại thôn N, xã X, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Con: có 03 con, lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/04/2024 đến 17/04/2024 thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đến nay (có mặt tại phiên tòa).

2. Phạm Văn N1, sinh năm 1978. Tên gọi khác: không. Giới tính: Nam. Nơi sinh: Huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nơi ĐKKHKT và cư trú: Xóm A, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Công giáo. Trình độ văn hóa: 09/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Bố đẻ: **Phạm Văn T1**, sinh năm 1950. Hiện già yếu và trú tại xóm A, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Mẹ đẻ: **Phạm Thị L**, sinh năm 1952 (đã chết năm tháng 02/2024). Gia đình có 04 anh em. Bị cáo là con thứ hai

Vợ: **Nguyễn Thị O** sinh năm 1978 hiện lao động tự do và trú tại xóm A, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Con: có 03 con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/04/2024 đến 17/04/2024 thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đến nay (có mặt tại phiên tòa).

3. Nguyễn Văn D, sinh năm 1990. Tên gọi khác: không. Giới tính: Nam. Nơi sinh: Huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn Đ T, xã X, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Công giáo. Trình độ văn hóa: 09/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Bố đẻ: Nguyễn Văn T2, sinh năm 1957. Mẹ đẻ: Phạm Thị N2, sinh năm 1960; Cả bố và mẹ hiện lao động tự do và trú tại thôn Đ T, xã X, huyện K, tỉnh Ninh Bình; gia đình có 06 chị em, bị cáo là con thứ tư.

Vợ: Phạm Thị L1 sinh năm 1989, hiện lao động tự do và trú tại thôn Đ T, xã X, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Con: có 02 con, lớn nhất sinh năm 2019, nhỏ nhất sinh năm 2022.

Tiền án, tiền sự: không. Lịch sử bản thân: Tại Bản án số 15 ngày 04/5/2012 của Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 3.000.000 đồng và 200.000 đồng án phí về tội “Đánh bạc”. Ngày 17/6/2016 chấp hành xong hình phạt tiền và án phí.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/04/2024 đến 17/04/2024 thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đến nay (có mặt tại phiên tòa).

4. Nguyễn Văn T3, sinh năm 1964. Tên gọi khác: không. Giới tính: Nam. Nơi sinh: Huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nơi ĐKKHKT và cư trú: Xóm A, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Công giáo. Trình độ văn hóa: 07/10.

Bố đẻ: Nguyễn Thành T4 (đã chết). Mẹ đẻ: Vũ Thị S (đã chết); gia đình có 07 anh, chị em; bị cáo là con nhỏ nhất. Vợ: Nguyễn Thị T5 sinh năm 1970, hiện lao động tự do và trú tại xóm A, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; Con: có 04 con, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 1989.

Tiền án, tiền sự: không Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/04/2024 đến 17/04/2024 thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đến nay (có mặt tại phiên tòa).

5. Nguyễn Mạnh C1, sinh năm 1950. Tên gọi khác: không. Giới tính: Nam. Nơi sinh: Huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nơi ĐKKHKT và cư trú: Xóm A, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Công giáo. Trình độ văn hóa: 07/10. Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Bố đẻ: Nguyễn Xuân K (đã chết). Mẹ đẻ: Vũ Thị S1 (đã chết). Gia đình có 09 chị em. Bị cáo là con thứ sáu; Vợ: Vũ Thị L2, sinh năm 1954, hiện lao động tự do và trú tại xóm A, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Con: có 05 con, lớn nhất sinh năm 1972, nhỏ nhất sinh năm 1984.

Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng áp dụng “Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt tại phiên tòa).

-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan :

+ Ông Phạm Việt T6, sinh năm 1974; địa chỉ trú tại: thôn L, xã X

+ Chị Phạm Thị L1, sinh năm 1989; địa chỉ trú tại: thôn Đ T, xã X, huyện

K

-Người làm chứng : Ông Phạm Văn P và ông Phạm Văn T7.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 11 giờ 50 phút cùng 14/04/2024 tại nhà của **Phạm Văn N1**, Xóm A, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Tở công tác của Công an huyện K phối hợp với Công an xã C phát hiện bắt quả tang **Phạm Văn N1**, **Phạm Văn T** và **Nguyễn Văn D** đang đánh bạc. Thu giữ trên chiếu bạc số tiền 6.600.000 đồng, 01 bộ tứ lơ khơ 52 quân, 01 chiếc chiếu cói và 03 điện thoại di động các loại (Iphone 12 của **D**, 02 điện thoại Masstel của **N1** và **T3**); **T8** trên người Nghi số tiền 5.350.000 đồng; **T8** trên người **T3** 01 ví da bên trong có số tiền 6.210.000 đồng và xe mô tô BKS 29V8-8614; Thu của **D** xe mô tô BKS 36B1-50881; Thu của **T** xe ô tô BKS 35N-6713.

Quá trình điều tra xác định được như sau do có mối quan hệ quen biết từ trước, khoảng hơn 8 giờ sáng ngày 14/4/2024; bị cáo **Phạm Văn T** gọi điện cho bị cáo **Nguyễn Mạnh C1**, rủ đến nhà bị cáo **Phạm Văn N1** uống nước và đánh bài thì bị cáo **C1** hỏi có chân không (ý hỏi đến đó có người đánh bạc không) thì **T** nói cứ đến rồi biết (ý nói cứ đến uống nước sẽ có người chơi bạc); sau khi gọi cho **C1** do điện thoại hết **P1** nên **T** để điện thoại ở nhà nạp điện, còn **T** điều khiển xe ô tô BKS 35N-6713 đến nhà **Phạm Văn N1** ngồi uống nước nói chuyện với **N1**; một lúc sau bị cáo **Nguyễn Văn D** là cháu của **N1** đến nhà **N1** chào để đi làm ăn xa ở lại ngồi chơi nói chuyện; tiếp sau bị cáo **C1** điều khiển xe mô tô BKS 35K1-185.05 đến, ngồi chơi uống nước một lát thì **C1** mang bộ tứ lơ khơ mang theo bảo mọi người đánh bạc một lát rồi nghỉ thì cả ba bị cáo **T**, **N1**, **D** đồng ý.

Khoảng 10 giờ cùng ngày, 04 người đi xuống gian bếp nhà **N1**, **T** trải chiếu, **C1** bỏ bộ tứ lơ khơ xuống mặt chiếu, 04 người ngồi trên chiếu đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức chơi “Phỏm”, đặt cược từ 50.000 đồng đến 250.000 đồng. Khoảng 30 phút sau lần lượt **Nguyễn Văn T3**, ông **Trần Văn P2** và ông **Phạm Văn T7** đến xem mọi người đánh bạc. Sau đó khoảng 10 phút **C1** ra về, còn **Toàn** vào tiếp tục đánh bạc thay thế chỗ của **C1** cho đến khi bị bắt;

Trong quá trình điều tra thu giữ của **C1** điện thoại Nokia 230; còn chiếc điện thoại của bị cáo **T** sau khi gọi cho bị cáo **C1**, bị cáo nạp ở nhà bị mất không thu giữ được.

Quá trình điều tra xác định số tiền 6.210.000 đồng thu giữ trên người của **Nguyễn Văn T3** sử dụng vào việc đánh bạc. Như vậy tổng số tiền được các bị cáo đánh bạc được xác định là 12.810.000 đồng.

Công an huyện K đã trả xe ô tô BKS 35N-6713 cho anh **Phạm Việt T6**; trả lại xe mô tô BKS 36B1-50881 cho chị **Phạm Thị L1**.

Chuyển vào tài khoản và kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K số vật chứng gồm: Số tiền 12.810.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, 5.350.000 đồng của **Phạm Văn N1**, 01 chiếc cói, 01 bộ tứ lơ khơ, 01 ví da, 04 điện thoại di động, xe mô tô BKS 29V8-8614 để giải quyết cùng vụ án.

Bản cáo trạng số 59/CT-VKS ngày 29/8/2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình đã truy tố các bị cáo **Phạm Văn T**, **Phạm Văn N1**, **Nguyễn Văn D**, **Nguyễn Văn T3** và **Nguyễn Mạnh C1** về tội “Đánh bạc” theo Khoản 1, Khoản 3, Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố trong cáo trạng và đề nghị hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i và s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự đối với bị cáo **T**. Xử phạt bị cáo **Phạm Văn T** từ 27 đến 30 triệu đồng sung ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321 điểm i và s khoản 1 và 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự đối với bị cáo **Phạm Văn N1**. Xử phạt bị cáo **N1**

- Áp dụng khoản 1 Điều 321 điểm s khoản 1 và 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo **Nguyễn Văn D**. Xử phạt bị cáo **D** từ 24 đến 27 triệu đồng sung ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321 điểm i và s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự đối với bị cáo **Phạm Văn T9**. Xử phạt bị cáo **T9** 20 đến 23 triệu đồng sung ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm o, i, s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo **Nguyễn Mạnh C1**. Xử phạt bị cáo **C1** từ 20 đến 23 triệu đồng sung ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng Điều 47 BLHS năm 2015; Điều 106 và Điều 136 BLHS năm 2015 và Nghị quyết 326/UBTVQH14:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc cối, 01 bộ tú lơ khơ, 01 ví da.

+ Tịch thu 01 điện thoại di động nokia 230 thu giữ của bị cáo **C1** sung ngân sách Nhà nước.

+ Tịch thu số tiền 12.810.000đồng sử dụng vào việc đánh bạc sung ngân sách Nhà nước.

+ Trả lại điện thoại di động Iphone 12 của cho bị cáo **D**; 02 điện thoại Masstel cho bị cáo **N1** và **T9**.

+ Trả lại chiếc xe mô tô BKS 29V8-8614 cho bị cáo **Phạm Văn T9**.

+ Trả lại 5.350.000đồng cho bị cáo **Phạm Văn N1**

+ Miễn án phí cho bị cáo **C1** và **T**; Buộc ba bị cáo **D**, **N1**, **T9** còn lại mỗi bị cáo phải nộp 200.000^d án phí hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, không có ý kiến bào chữa, không có ý kiến tranh luận, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh của các bị cáo:

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi đánh bạc của mình dưới hình thức “Phỏm” như nội dung vụ án Tòa án đã nêu trên; phù hợp với lời khai người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh tại biên bản phạm tội quả tang lập hồi 11 giờ 50 phút ngày 14/4/2024 vật chứng thu giữ là 01 chiếc cối, 01 bộ tú lơ khơ và 12.810.000đồng các bị cáo dùng vào việc đánh bạc.

Từ những chứng cứ nêu trên đã có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 10 giờ đến 11 giờ 50 phút ngày 14/4/2024, tại xóm A, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình, **Phạm Văn T**, **Phạm Văn N1**, **Nguyễn Văn D** và **Nguyễn Văn T3** đã có hành vi “Đánh bạc” bằng hình thức “Phỏm” với tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 12.810.000 đồng.

Hành vi của **Phạm Văn T**, **Phạm Văn N1**, **Nguyễn Văn D**, **Nguyễn Văn T3** và **Nguyễn Mạnh C1** đã phạm tội “Đánh bạc” thuộc trường hợp “Tiền trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

“Điều 321. Tội đánh bạc

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”

Viện Kiểm sát nhân dân huyện K căn cứ quy định của Bộ luật hình sự truy tố các bị cáo **Phạm Văn T**, **Phạm Văn N1**, **Nguyễn Văn T3** và **Nguyễn Mạnh C1** về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[2] Về hình phạt đối với các bị cáo:

[2.1] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, làm ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn hóa, gây mất an ninh trật tự tại địa phương cần được xử lý nghiêm. Các bị cáo đủ năng lực và nhận thức rõ hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật; song để hưởng lợi từ việc làm trái pháp luật đó bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó cần phải có biện pháp xử lý nghiêm khắc nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[2.2] Về vai trò vị trí của các bị cáo

Trong vụ án này Hội đồng xét xử thấy các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có nhiều bị cáo tham gia nhưng không có sự bàn bạc thống nhất phân công vai trò trách nhiệm cho từng bị cáo mà là vụ án đồng phạm mang tính giản đơn không có cấu kết chặt chẽ; để cá thể hóa hình phạt đối với từng bị cáo, cần phân tích rõ vai trò, vị trí, mức độ phạm tội của từng bị cáo để có biện pháp xử lý phù hợp thì thấy rằng:

Bị cáo **Phạm Văn T** là người chủ động gọi điện cho **Nguyễn Mạnh C1** nói chuyện sau khi bị cáo **C1** hỏi về việc đánh bạc đã chủ động nói cứ đến nhà **Phạm Văn N1** và rủ **N1** đánh bạc là người khởi xướng rủ rê, sử dụng số tiền 1.200.000đ lớn thứ ba trong nhóm để đánh bạc giữ vai trò thứ nhất trong vụ án.

Nguyễn Mạnh C1 là người chủ động gợi ý, chuẩn bị công cụ phạm tội là bộ tú lơ khơ để đánh bạc và trực tiếp đánh bạc cùng với **T**, **N1**, **D** trước khi bị phát hiện bắt quả tang là đồng phạm với vai trò giúp sức giữ vai trò thứ hai.

Bị cáo **Phạm Văn N1** là chủ nhà, khi bị cáo **T** rủ rê đánh bạc tại nhà mình không ngăn cản, còn cho mượn chiếu và gian bếp để đánh bạc cùng trực tiếp tham gia đánh bạc sử dụng số tiền 1.500.000đ lớn thứ 2 đến khi bị bắt giữ vai trò thứ hai ngang bị cáo **C1**.

Bị cáo **Nguyễn Văn D** là người đã bị xét xử về tội đánh bạc nhưng không lấy đó làm bài học rút kinh nghiệm cho bản thân, đến nhà **N1** chơi biết các bị cáo **T**, **C1**, **N1** chuẩn bị đánh bạc là vi phạm pháp luật nhưng không ngăn cản mà tham gia đánh bạc cùng cho đến khi bị bắt là đồng phạm với vai trò giúp sức giữ vai trò hai ngang với bị cáo **C1** và **N1**.

Bị cáo **Nguyễn Văn T3** đến xem mọi người đánh bạc, biết các bị cáo **T**, **C1**, **N1** và **D** đánh bạc là vi phạm pháp luật nhưng không ngăn cản sau đó khi bị cáo **C1** không chơi nữa thì vào thay thế bị cáo **C1** đánh bạc cùng các bị cáo còn lại nhưng có tổng số tiền đánh bạc lớn nhất giữ vai trò cuối cùng.

[2.3] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo **Phạm Văn T**, **Phạm Văn N1**, **Nguyễn Văn T3** và **Nguyễn Mạnh C1** đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i và s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo **Nguyễn Văn D** là người đã bị xét xử về tội đánh bạc không được áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51, chỉ được áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo **Nguyễn Văn D** và **Phạm Văn N1** có bố đẻ là người có công với cách mạng được tặng thưởng huân chương là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo **Nguyễn Mạnh C1** là người đủ 70 tuổi trở lên quy định tại điểm o khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[2.4] Về loại hình phạt:

Trừ bị cáo **D** có nhân thân xấu năm 2012 đã bị Tòa án nhân dân huyện K xử phạt về hành vi đánh bạc; các bị cáo còn lại đều có nhân thân tốt chưa vi phạm pháp luật lần nào.

Căn cứ các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo; tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện Hội đồng xét xử thấy không cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo mà áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền quy định tại Điều 35 Bộ luật hình sự cũng đủ giáo dục cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội; mức hình phạt như Kiểm sát viên đề xuất là phù hợp.

[4] Về xử lý vật chứng:

Đối với xe ô tô BKS 35N-6713 qua điều tra xác định là của ông **Phạm Việt T6** và xe mô tô BKS 36B1-50881 là của chị **Phạm Thị L1** cho các bị cáo mượn không biết các bị cáo sử dụng đi đánh bạc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho ông **T6** và chị **L1** là phù hợp. Hội đồng xét xử không xét lại.

Đối với 01 chiếc cối, 01 bộ tú lơ khơ, 01 ví da bị cáo **T3** không có yêu cầu lấy lại. Những vật chứng trên không có giá trị sử dụng và 01 ví da bị cáo **T3** không có yêu cầu lấy lại, giá trị sử dụng không đáng kể nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 04 điện thoại di động đã thu giữ qua điều tra xác định chỉ có 01 chiếc điện nokia 230 của **C1** này sử dụng vào việc gọi điện thoại rủ nhau đánh bạc, là phương tiện sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu sung ngân sách nhà nước; còn chiếc điện thoại của Iphone 12 của bị cáo **D** và 02 chiếc điện thoại Masstel của bị cáo **T3** và **N1** không sử dụng vào việc đánh bạc, cần trả lại cho các bị cáo nhưng tiếp tục quản lý đảm bảo thi hành án.

Đối với xe mô tô BKS 29V8-8614 là tài sản của bị cáo **T3** không sử dụng vào việc đánh bạc, cần trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục quản lý đảm bảo thi hành án.

Đối với số tiền 12.810.000 đồng thu tại chiếu bạc và thu của bị cáo **T3**, qua điều tra và tại phiên tòa xác định số tiền này sử dụng vào việc đánh bạc đây là tiền sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 5.350.000 đồng thu của bị cáo **Phạm Văn N1**, qua điều tra xác định số tiền này không sử dụng vào việc đánh bạc, cần trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục quản lý đảm bảo thi hành án.

Đối với chiếc điện thoại theo bị cáo **N1** khai là điện thoại nhãn hiệu Masstel đen trắng đã cũ bị cáo để ở nhà bị mất không thu hồi được, cơ quan điều tra không có căn cứ xác định giá trị để truy thu.

[5] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, không có khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[6] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điều 106, 136 BLTTHS và Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14. Tuy nhiên bị cáo **C1** là người cao tuổi và bị cáo **T** thuộc hộ cận nghèo nên được miễn các bị cáo **N1**, **Toàn D1** phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Khoản 1, Khoản 3, Điều 321; các điểm o, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Điều 106 và 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14

1. Tuyên bố:

Các bị cáo **Phạm Văn T**, **Phạm Văn N1**, **Nguyễn Văn D**, **Nguyễn Văn T3** và **Nguyễn Mạnh C1** về tội “Đánh bạc”.

2. Xử phạt:

+ Bị cáo **Phạm Văn T** 28.000.000đ (hai mươi tám triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

+ Bị cáo **Phạm Văn N1** 26.000.000đ (hai mươi sáu triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

+ Bị cáo **Nguyễn Văn D** 26.000.000đ (hai mươi sáu triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

+ Bị cáo **Nguyễn Văn T3** 24.000.000đ (hai mươi bốn triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

+ Bị cáo **Nguyễn Mạnh C1** 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

3. Xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy 01 chiếu cỏi, 01 bộ tú lơ khơ, 01 ví da

- Tịch thu 01 chiếc điện nokia 230 của **C1** sung ngân sách nhà nước; c

- Tịch thu số tiền 12.810.000 đồng sung ngân sách nhà nước.

- Trả lại chiếc điện thoại của Iphone 12 cho bị cáo **D** và 02 chiếc điện thoại Masstel cho bị cáo **T3** và **N1** nhưng tiếp tục quản lý đảm bảo thi hành án.

- Trả lại xe mô tô BKS 29V8-8614 cho bị cáo **T3** nhưng tiếp tục quản lý đảm bảo thi hành án.

Trả lại số tiền 5.350.000đồng cho bị cáo **Phạm Văn N1** nhưng tiếp tục quản lý đảm bảo thi hành án.

(Chi tiết vật chứng như trong biên bản bàn giao vật chứng giữa **công an huyện K** và Chi cục thi hành án dân sự huyện K ngày/...../2024)

4. Án phí: Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000^d án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K ;
- Chi cục THADS huyện K ;
- Công an huyện K ;
- Bị cáo; Người có QLNVLQ;
- Lưu VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thế Anh